



**LỖI HẸN 1.130 ĐIỂM**

*Cổ phiếu hôm nay: VCG*

**BẢN TIN SÁNG 02/01/2024**





*Happy  
New  
Year!*

2024



## NHẬN ĐỊNH VÀ DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG

**VN-Index** 1129,9 ▲ 0,1%    **VN30** 1131,5 ▲ 0,3%    **HNX-Index** 231,0 ▼ 0,1%

- ❖ Thị trường bước vào phiên giao dịch cuối năm với sắc xanh. Tuy nhiên, mức tăng điểm tương đối hạn chế, đồng thời có động thái thận trọng và hạ nhiệt trở lại vào cuối phiên giao dịch.
- ❖ Với diễn biến giằng co trong vùng giá xanh, nhiều nhóm ngành vẫn giữ được mức tăng điểm nhưng tương đối hạn chế, đồng thời diễn biến phân hóa khá rõ nét. Nhóm hóa chất có mức tăng khá tốt, còn lại hầu như không có nhóm nào thực sự nổi trội. Mức tăng giá tốt chỉ tập trung lại một số cổ phiếu đơn lẻ.
- ❖ Thị trường tiếp tục duy trì trạng thái tăng điểm vào phiên cuối năm 2023 mặc dù diễn biến có tranh chấp và giằng co. Thanh khoản tăng so với phiên trước, cho thấy dòng tiền vẫn có nỗ lực hỗ trợ thị trường nhưng nguồn cung cũng có động thái gia tăng.
- ❖ Dự kiến thị trường sẽ được hỗ trợ khi lùi bước và có cơ hội vượt cản 1.130 điểm vào đầu năm mới 2024 và hướng đến vùng cản 1.150 điểm để kiểm tra nguồn cung.

## CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

- ❖ Quý Nhà đầu tư cần quan sát diễn biến cung cầu, có thể cân nhắc vùng giá hỗ trợ để mua ngắn hạn tại các cổ phiếu đã tạo nền tích lũy và có động thái khởi sắc trong thời gian gần đây.
- ❖ Tuy nhiên, trong ngắn hạn vẫn nên tận dụng những đợt tăng của thị trường để chốt lời tại vùng giá tốt hoặc cơ cấu lại danh mục.

Tín hiệu kỹ thuật VN-Index



**Thế giới**

Vĩ mô

**Kinh tế Liên minh châu Âu năm 2023: Bức tranh nhiều gam màu xám**

Năm 2023, kinh tế Liên minh châu Âu (EU) đứng ở một ngã rẽ quan trọng, đối mặt với bối cảnh kinh tế phức tạp do những thách thức toàn cầu và động lực khu vực.

[Xem thêm](#)
**Thế giới**

Ngành

**Thị trường bán dẫn toàn cầu dự báo tăng trưởng kỷ lục năm 2024**

Theo dự báo của một tổ chức công nghiệp, thị trường bán dẫn toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng kỷ lục vào năm 2024. [Xem thêm](#)

**Thế giới**

Thị trường

**Chứng khoán toàn cầu tăng bùng nổ nhất kể từ năm 2019**

Chứng khoán toàn cầu ghi nhận năm tuyệt vời nhất kể từ năm 2019, chủ yếu nhờ 2 tháng tăng nóng cuối năm, trong bối cảnh giới đầu tư đặt cược vào khả năng giảm lãi suất trong năm 2024. [Xem thêm](#)

**Giá dầu Brent lao dốc hơn 10% trong năm giảm đầu tiên kể từ năm 2020**

Giá dầu của Mỹ khép lại năm 2023 với mức giảm hơn 10%, khi các trader lo ngại về tình trạng dư cung trên thị trường vì nguồn sản lượng từ các quốc gia bên ngoài nhóm OPEC. [Xem thêm](#)

**Vàng thế giới có năm tăng mạnh nhất kể từ năm 2020**

Vàng thế giới giảm giá trong ngày 29/12 và ghi nhận năm tuyệt vời nhất kể từ năm 2020, với mức giá trên 2,000 USD/oz. Giá vàng tăng trong năm nay nhờ hy vọng Fed sẽ sớm giảm lãi suất. [Xem thêm](#)

**Trong nước**

Vĩ mô

**Chính thức giảm 2% thuế giá trị gia tăng từ đầu năm 2024**

Chính sách giảm thuế giá trị gia tăng sẽ áp dụng trong 6 tháng đầu năm 2024, dự kiến ngân sách hụt thu khoảng 25.000 tỉ đồng. [Xem thêm](#)

**Trong nước**

Ngành

**HoREA đề nghị sớm ban hành quy định về giá đất**

Hiệp hội Bất động sản TP HCM đề nghị Thủ tướng chỉ đạo sớm ban hành nghị định gỡ vướng về định giá đất để "cởi trói" cho hàng trăm dự án nhà ở thương mại.

[Xem thêm](#)
**Trong nước**

Ngành

**Đầu năm 2024, nhiều ngân hàng giảm mạnh lãi suất huy động**

Nhiều ngân hàng mới đây đã công bố biểu lãi suất huy động mới, hiệu lực những ngày giao dịch cuối năm 2023 hoặc đầu năm 2024. [Xem thêm](#)

## Sự kiện trong nước

| Thời gian  | Sự kiện                                    |
|------------|--------------------------------------------|
| 01/01/2024 | Công bố chỉ số quản lý thu mua (PMI)       |
| 15/01/2024 | Công bố thành phần cổ phiếu mới trong VN30 |
| 18/01/2024 | Đáo hạn HĐTL tháng 01 (VN30F2401)          |
| 29/01/2024 | Công bố số liệu kinh tế Việt Nam tháng 1   |

## Sự kiện thế giới

| Thời gian  | Quốc gia | Sự kiện                                                            |
|------------|----------|--------------------------------------------------------------------|
| 02/01/2024 | Mỹ       | Công bố chỉ số quản lý thu mua (PMI) Mỹ                            |
| 03/01/2024 | Mỹ       | Công bố báo cáo "Khảo sát việc làm và luân chuyển lao động (JOLTS) |
| 03/01/2024 | Mỹ       | Thành viên FOMC - Barkin phát biểu                                 |
| 04/01/2024 | Mỹ       | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                                   |
| 04/01/2024 | Mỹ       | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA                              |
| 04/01/2024 | Mỹ       | Biên bản cuộc họp FOMC                                             |

# LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG THỜI GIAN TỚI

## Sự kiện thế giới

| Thời gian  | Quốc gia   | Sự kiện                                                 |
|------------|------------|---------------------------------------------------------|
| 05/01/2024 | Châu Âu    | Chỉ Số Giá Sản Xuất (PPI) Châu Âu tháng 12              |
| 06/01/2024 | Mỹ         | Thành viên FOMC - Barkin phát biểu                      |
| 10/01/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                        |
| 11/01/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA                   |
| 11/01/2024 | Mỹ         | Công bố Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Mỹ tháng 12          |
| 12/01/2024 | Mỹ         | Công bố số dư Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed)             |
| 12/01/2024 | Trung Quốc | Công bố Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Trung Quốc tháng 12  |
| 12/01/2024 | Mỹ         | Chỉ Số Giá Sản Xuất (PPI) Mỹ tháng 12                   |
| 17/01/2024 | Trung Quốc | Công bố chỉ số sản xuất công nghiệp Trung Quốc tháng 12 |
| 17/01/2024 | Mỹ         | Công bố chỉ số sản xuất công nghiệp Mỹ tháng 12         |
| 17/01/2024 | Trung Quốc | Công bố doanh số bán lẻ Trung Quốc tháng 12             |
| 17/01/2024 | Mỹ         | Công bố doanh số bán lẻ Mỹ tháng 12                     |
| 18/01/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                        |
| 18/01/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA                   |
| 24/01/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                        |
| 25/01/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA                   |
| 25/01/2024 | Châu Âu    | BOJ tuyên bố chính sách tiền tệ                         |
| 26/01/2024 | Mỹ         | Công bố chỉ số giá PCE Mỹ tháng 12                      |
| 31/01/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                        |

| Sàn giao dịch | Mã cổ phiếu | Vốn hoá (nghìn tỷ đ) | Giá hiện tại (VND) | Giá mục tiêu (VND) | LN kỳ vọng (%) | Tăng trưởng DT (%) |       | Tăng trưởng LNST |       | P/E  |       | P/B      |
|---------------|-------------|----------------------|--------------------|--------------------|----------------|--------------------|-------|------------------|-------|------|-------|----------|
|               |             |                      |                    |                    |                | 2022               | 2023F | 2022             | 2023F | 2022 | 2023F | Hiện tại |
| HOSE          | <b>LHG</b>  | 1,5                  | 30.300             | 50.000             | 65,0%          | -19,5              | -25,2 | -31,7            | -3,3  | 4,4  | 4,5   | 1,0      |
| HOSE          | <b>MSN</b>  | 95,9                 | 67.000             | 95.700             | 42,8%          | -14,0              | 2,8   | -58,3            | -65,6 | 17,3 | 42,3  | 3,6      |
| UPCoM         | <b>NTC</b>  | 4,6                  | 193.500            | 256.000            | 32,3%          | 0,0                | -13,2 | 0,0              | -0,1  | 14,0 | 14,8  | 6,5      |
| HOSE          | <b>SIP</b>  | 11,6                 | 63.600             | 84.000             | 32,1%          | 0,0                | 6,2   | 0,0              | -7,7  | N/A  | 6,2   | 3,4      |
| HOSE          | <b>IMP</b>  | 4,0                  | 56.600             | 74.000             | 30,7%          | 29,8               | 20,4  | 23,7             | 35,5  | 20,8 | 12,7  | 2,0      |
| HOSE          | <b>REE</b>  | 23,2                 | 56.800             | 74.000             | 30,3%          | 61,3               | -4,7  | 45,0             | -14,6 | 13,7 | 9,2   | 1,4      |
| HOSE          | <b>KBC</b>  | 24,4                 | 31.750             | 40.000             | 26,0%          | -77,5              | 683,8 | 97,8             | 94,9  | 22,4 | 5,5   | 1,3      |
| HOSE          | <b>VCB</b>  | 448,8                | 80.300             | 98.600             | 22,8%          | 20,0               | 6,0   | 36,4             | 10,5  | 22,8 | 11,7  | 2,8      |
| HOSE          | <b>DBD</b>  | 4,1                  | 54.200             | 65.800             | 21,4%          | -0,2               | 12,6  | 29,0             | 21,4  | N/A  | 12,5  | 2,9      |
| HOSE          | <b>ACB</b>  | 92,8                 | 23.900             | 29.000             | 21,3%          | 22,2               | 13,7  | 42,5             | 16,7  | 9,6  | 5,1   | 1,4      |
| HOSE          | <b>MBB</b>  | 97,2                 | 18.650             | 22.600             | 21,2%          | 23,4               | 8,9   | 37,7             | 15,5  | 8,0  | 4,0   | 1,1      |
| HOSE          | <b>MWG</b>  | 62,6                 | 42.800             | 51.500             | 20,3%          | 8,5                | -8,1  | -16,3            | -89,7 | 13,4 | 49,0  | 2,7      |
| HOSE          | <b>OCB</b>  | 27,3                 | 13.300             | 15.900             | 19,5%          | -4,3               | 13,1  | -20,3            | 25,8  | 6,3  | 5,9   | 1,0      |
| HOSE          | <b>TCB</b>  | 112,0                | 31.800             | 38.000             | 19,5%          | 10,3               | -0,9  | 11,6             | -10,5 | 6,4  | 5,3   | 0,9      |
| UPCoM         | <b>QNS</b>  | 16,3                 | 45.800             | 54.000             | 17,9%          | 12,6               | 30,8  | 2,5              | 57,2  | 11,6 | 6,9   | 1,8      |
| UPCoM         | <b>HND</b>  | 7,0                  | 14.000             | 16.500             | 17,9%          | 16,4               | 6,3   | 25,3             | -21,2 | 18,8 | 9,9   | 1,1      |

KHUYẾN NGHỊ GIAO DỊCH

|                                                                      |                 |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------|
| Giá khuyến nghị ngày 02/01/2024 (*)                                  | 24.400 – 24.800 |
| Giá mục tiêu ngắn hạn 1                                              | 26.500          |
| Lợi nhuận kỳ vọng 1 (tại thời điểm khuyến nghị)                      | 6,9% - 8,6%     |
| Giá mục tiêu ngắn hạn 2                                              | 28.000          |
| Lợi nhuận kỳ vọng 2 (tại thời điểm khuyến nghị)                      | 12,9% - 14,8%   |
| Giá cắt lỗ                                                           | 22.900          |
| Giá mục tiêu cơ bản                                                  |                 |
| (*) Khuyến nghị được lập trước phiên giao dịch cùng Ngày Khuyến nghị |                 |

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- ❖ Quý 3/2023, VCG đạt doanh thu thuần 2.382 tỷ (-25% svck), LNST công ty mẹ đạt 104 tỷ (-44% svck). Lũy kế 9T2023, mặc dù doanh thu thuần có sự cải thiện đạt 8.915 tỷ (+33% svck) nhờ sự cải thiện 2 mảng kinh doanh chủ lực là xây lắp với việc bàn giao Cảng hàng không quốc tế Phú Bài, cầu Vĩnh Tuy (GĐ 2) và các gói thầu thuộc cao tốc Bắc-Nam GĐ 1 và cùng 1 số dự án BĐS. LNST công ty mẹ lại ghi nhận mức khiêm tốn khi chỉ đạt 232 tỷ đồng (-72% svck). Nguyên nhân là vì sự sụt giảm của lợi nhuận gộp (chỉ ghi nhận 114 tỷ đồng so với 211 tỷ đồng cùng kỳ 2022), mặt khác, năm 2022 ghi nhận doanh thu tài chính 663 tỷ đồng từ đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản mục đầu tư vào Vinaconex – ITC. Với kết quả này, VCG mới chỉ hoàn thành 55% kế hoạch doanh thu và 67% kế hoạch LNST công ty mẹ.
- ❖ Với việc trúng hàng loạt gói thầu trong năm 2022 như: Bãi Vọt – Hàm Nghi, Vũng Áng – Bùng, Quy Nhơn – Chí Thạnh, Vân Phong – Nha Trang. Cùng với liên doanh các dự án: gói thầu 5.10, 4.6 và 3.4 của dự án sân bay Long Thành đã tạo tâm lý tích cực chung cho cổ phiếu VCG mặc dù con số lợi nhuận chưa thực sự cải thiện, cũng như chất lượng tài sản còn nhiều vấn đề tồn đọng. Tính tới thời điểm cuối T4/2023, theo chia sẻ của BLĐ giá trị trúng thầu mà công ty đang thực hiện thi công (backlog) đạt gần 20.000 tỷ đồng.
- ❖ Với mức lợi nhuận kế hoạch, EPS 2023 đạt 1.770 đồng/cp VCG hiện đang giao dịch tại mức P/E dự phóng 2023 ở mức 13,7 lần và P/B 1,3 lần. Triển vọng về đầu tư công cũng như sự phục hồi của thị trường bất động sản sẽ là động lực dài hạn quan trọng nhất đối với VCG.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

|                             |                |
|-----------------------------|----------------|
| Ngành                       | Xây dựng & BĐS |
| Vốn hóa (tỷ đồng)           | 13.201         |
| SLCPĐLH (triệu cp)          | 534            |
| KLBO 3 tháng (nghìn cp)     | 8.354          |
| GTGDBQ 3 tháng (tỷ đồng)    | 196            |
| SH NGTTN còn lại (%)        | 38,7%          |
| BĐ giá 52 tuần (nghìn đồng) | 15,136-29,400  |

TÀI CHÍNH

|                        | 2021A  | 2022A  | 2023F  |
|------------------------|--------|--------|--------|
| Doanh thu (tỷ đ)       | 5.749  | 8.453  | 10.668 |
| LNST (tỷ đ)            | 394    | 782    | 172    |
| ROA (%)                | 1,6    | 2,5    | 2,5    |
| ROE (%)                | 5,9    | 11,6   | 11,6   |
| EPS (đồng)             | 721    | 1.461  | 286    |
| Giá trị sổ sách (đồng) | 12.386 | 12.828 | 13.261 |
| Cổ tức tiền mặt (đồng) | 992    | -      | -      |
| P/E (x) (*)            | 59,3   | 10,7   | 86,2   |
| P/B (x) (*)            | 3,4    | 1,2    | 1,9    |

NHẬN ĐỊNH KỸ THUẬT

- ❖ Mặc dù vẫn có diễn biến thận trọng và thăm dò trước cản 25 nhưng diễn biến VCG khá ổn định trong thời gian gần đây, với nguồn cung thấp và dòng tiền có nỗ lực hỗ trợ. Dự kiến VCG sẽ tiếp tục được hỗ trợ khi lùi bước và có cơ hội vượt cản 25 trong thời gian tới.



Xu hướng ngắn hạn: ■ Tăng ■ Sideway ■ Giảm

| Ngày  | Mã cổ phiếu | Bình luận kỹ thuật mới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 02/01 | KBC         | Mặc dù vẫn có diễn biến thận trọng và thăm dò nhưng diễn biến KBC khá ổn định trên vùng hỗ trợ 31 trong thời gian gần đây, đồng thời nguồn cung không lớn và dòng tiền có động thái dần tăng. Dự kiến KBC sẽ tiếp tục được hỗ trợ khi lùi bước và có cơ hội dần tăng trong thời gian tới.                                                                                        |
|       | VCG         | Mặc dù vẫn có diễn biến thận trọng và thăm dò trước cản 25 nhưng diễn biến VCG khá ổn định trong thời gian gần đây, với nguồn cung thấp và dòng tiền có nỗ lực hỗ trợ. Dự kiến VCG sẽ tiếp tục được hỗ trợ khi lùi bước và có cơ hội vượt cản 25 trong thời gian tới.                                                                                                            |
|       | VCI         | Nhịp tăng của VCI khá chậm trong thời gian gần đây nhưng nhìn chung VCI vẫn đang nhận được hỗ trợ từ vùng 41 và tín hiệu dòng tiền có động thái dần tăng. Dự kiến VCI sẽ tiếp tục được hỗ trợ và có cơ hội tăng ngắn hạn.                                                                                                                                                        |
|       | VNIndex     | VN-Index tiếp tục duy trì trạng thái tăng điểm mặc dù diễn biến có tranh chấp và giằng co. Thanh khoản tăng so với phiên trước, cho thấy dòng tiền vẫn có nỗ lực hỗ trợ nhưng nguồn cung cũng có động thái gia tăng. Dự kiến VN-Index sẽ được hỗ trợ khi lùi bước và có cơ hội vượt cản 1.130 điểm vào đầu năm mới 2024 và hướng đến vùng cản 1.150 điểm để kiểm tra nguồn cung. |

| Ngày MUA            | Mã  | Giá Hiện tại | Giá KN MUA | Mục tiêu Ngắn hạn 1 | Mục tiêu Ngắn hạn 2 | Cắt lỗ | Giá đóng vị thế | Lời/ Lỗ | Trạng thái   | Biến động VN-Index (*) |
|---------------------|-----|--------------|------------|---------------------|---------------------|--------|-----------------|---------|--------------|------------------------|
| 29/12               | PAN | 20,20        | 20,00      | 21,50               | 23,00               | 18,50  |                 | 1,0%    |              | 0,1%                   |
| 29/12               | PLX | 34,50        | 34,50      | 36,50               | 39,00               | 32,80  |                 | 0,0%    |              | 0,1%                   |
| 25/12               | TCB | 31,80        | 30,70      | 33,00               | 35,00               | 29,70  |                 | 3,6%    |              | 0,2%                   |
| 25/12               | VRE | 23,30        | 23,00      | 25,00               | 26,50               | 21,90  |                 | 1,3%    |              | 0,2%                   |
| 13/12               | MWG | 42,80        | 42,00      | 47,00               | 50,00               | 40,30  | 40,30           | -4,0%   | Cắt lỗ 18/12 | -3,2%                  |
| 12/12               | SKG | 14,80        | 14,80      | 16,50               | 17,70               | 13,90  |                 | 0,0%    |              | 0,4%                   |
| 11/12               | CTG | 27,10        | 26,80      | 28,50               | 30,00               | 25,90  |                 | 1,1%    |              | 0,5%                   |
| 07/12               | CTD | 68,80        | 65,00      | 72,00               | 80,00               | 62,90  | 62,90           | -3,2%   | Cắt lỗ 13/12 | -1,1%                  |
| 07/12               | VLB | 36,10        | 35,20      | 39,00               | 43,00               | 33,80  |                 | 2,6%    |              | 0,3%                   |
| 07/12               | CTI | 15,40        | 14,70      | 16,80               | 17,80               | 13,90  |                 | 4,8%    |              | 0,3%                   |
| 07/12               | IJC | 13,95        | 14,30      | 15,80               | 17,30               | 13,40  |                 | -2,4%   |              | 0,3%                   |
| 07/12               | VCG | 24,70        | 23,80      | 26,00               | 28,00               | 22,40  | 24,90           | 4,6%    | Đóng 14/12   | -1,4%                  |
| 05/12               | HCM | 34,20        | 30,70      | 33,00               | 36,00               | 28,90  | 31,45           | 2,4%    | Đóng 14/12   | -0,9%                  |
| 05/12               | VIP | 11,35        | 11,40      | 12,50               | 13,50               | 10,90  |                 | -0,4%   |              | 0,8%                   |
| 04/12               | BAF | 25,85        | 25,60      | 28,00               | 30,00               | 24,40  |                 | 1,0%    |              | 2,5%                   |
| 04/12               | TIP | 23,90        | 25,00      | 27,00               | 29,50               | 23,90  | 23,90           | -4,4%   | Cắt lỗ 18/12 | -0,9%                  |
| 23/11               | EIB | 18,35        | 18,90      | 20,50               | 22,00               | 17,90  | 19,20           | 1,6%    | Đóng 14/12   | 0,6%                   |
| 23/11               | PVP | 13,95        | 13,70      | 15,00               | 16,00               | 13,20  | 13,80           | 0,7%    | Đóng 14/12   | 0,6%                   |
| 21/11               | BAF | 25,85        | 25,60      | 28,00               | 30,00               | 23,70  | 25,50           | -0,4%   | Đóng 14/12   | 0,6%                   |
| 14/11               | TIP | 23,90        | 23,00      | 26,00               | 27,00               | 21,90  | 25,40           | 10,4%   | Đóng 21/11   | 0,9%                   |
| 13/11               | VHM | 43,20        | 41,40      | 46,00               | 48,00               | 38,90  | 38,95           | -5,9%   | Đóng 20/11   | 0,2%                   |
| 09/11               | CTI | 15,40        | 14,65      | 16,00               | 17,00               | 13,90  |                 | 5,1%    |              | 1,4%                   |
| Hiệu quả Trung bình |     |              |            |                     |                     |        |                 | 0,9%    |              | 0,1%                   |

(\*) Biến động VN-Index tính từ ngày Khuyến nghị đến ngày đóng vị thế, làm cơ sở so sánh hiệu quả khuyến nghị.

Sản phẩm **Trái phiếu CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn** kèm gói thanh khoản:

| Thời hạn<br>(Tháng) | Suất sinh lợi (%/Năm) |               |
|---------------------|-----------------------|---------------|
|                     | Gói cố định           | Gói linh hoạt |
| Không kỳ hạn        | 1.00%                 | 1.00%         |
| 1                   | 7.70%                 | 7.00%         |
| 2                   | 8.00%                 | 7.30%         |
| 3                   | 8.20%                 | 7.60%         |
| 4                   | 8.50%                 | 7.90%         |
| 5                   | 8.70%                 | 8.20%         |
| 6                   | 9.00%                 | 8.60%         |
| 7                   | 9.20%                 | 8.70%         |
| 8                   | 9.30%                 | 8.80%         |

**Ghi chú:**

- **Gói cố định:** Rong Việt sẽ tìm bên mua lại Trái phiếu vào một ngày xác định.
- **Gói linh hoạt:** Rong Việt sẽ tìm bên mua lại Trái phiếu vào bất kỳ ngày nào theo nhu cầu của Khách hàng.

(\*) Trái phiếu được đảm bảo bằng BĐS với tỷ lệ đảm bảo hơn 160% do VCB quản lý.

(\*\*) Suất sinh lợi ở bảng trên là suất sinh lợi thực nhận của nhà đầu tư.

Quý Khách hàng vui lòng liên hệ Nhân viên quản lý tài khoản và các kênh sau để được tư vấn trực tiếp hoặc để lại thông tin Rong Việt sẽ liên lạc trong thời gian sớm nhất.

# KẾT QUẢ QUAY SỐ

## CHẶNG THÁNG 12 & CHẶNG CUỐI KỲ

CHI TIẾT

SINH NHẬT RỘN RÀNG  
NGẬP TRÀN QUÀ TẶNG

Từ 09.10.2023 - 20.12.2023

17

TỔNG GIÁ TRỊ ƯU ĐÃI & GIẢI THƯỞNG LÊN ĐẾN HƠN 1.000.000.000 VNĐ

*Chúc Mừng*

**17** NĂM  
THÀNH LẬP

**CTCP CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

21/12/2006 - 21/12/2023

## MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỢI SỞ

Tầng 1 đến tầng 8, tòa nhà Viet Dragon  
141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM  
☎ (+84) 28 6299 2006 ✉ info@vdsc.com.vn  
☎ (+84) 28 6291 7986 🌐 www.vdsc.com.vn  
MST 0304734965

### CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow  
02 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội  
☎ (+84) 24 6288 2006  
☎ (+84) 24 6288 2008

### CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, Tòa nhà Sacombank, số 76 Quang Trung,  
P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Khánh Hòa  
☎ (+84) 25 8382 0006  
☎ (+84) 25 8382 0008

### CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank  
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ  
☎ (+84) 29 2381 7578  
☎ (+84) 29 2381 8387

### CHI NHÁNH VŨNG TÀU

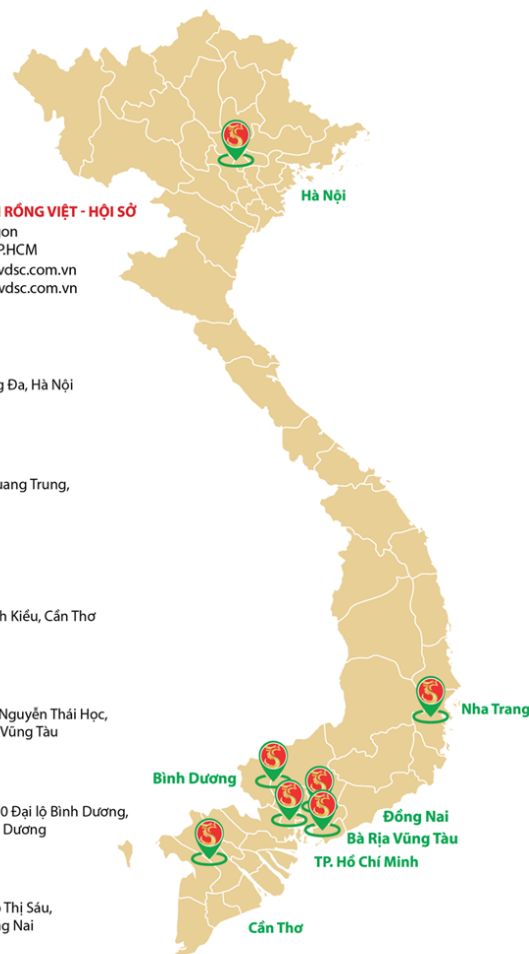
Tầng 2, Tòa nhà VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,  
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
☎ (+84) 25 4777 2006

### CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,  
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
☎ (+84) 27 4777 2006

### CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8, Tòa nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,  
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
☎ (+84) 25 1777 2006



## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities.**

## PHÒNG TƯ VẤN ĐẦU TƯ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

**Trần Hà Xuân Vũ**

**Trưởng phòng**

vu.thx@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1512)

**Nguyễn Huy Phương**

**Phó phòng**

phuong.nh@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1241)

**Nguyễn Đại Hiệp**

**Phó phòng**

hiep.nd@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1331)

**Phạm Thu Hà Phương**

**Chuyên viên**

phuong1.pth@vdsc.com.vn

+ 84 28 6299 2006 (1372)

**Nguyễn Minh Hiếu**

**Chuyên viên**

hieu1.nm@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (2226)

**Đoàn Hoàng Gia Bảo**

**Nhân viên**

bao.dhg@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006

**Lê Huỳnh Hương**

**Nhân viên**

huong.lh@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1501)